

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 07/01/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

Ông Hồ Xuân Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2020/TLST–DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng C.**

Địa chỉ: số 169, Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Văn Q, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C.

Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Côn, khu phố 5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

*** Bị đơn: Đặng Ngọc Đ**, sinh năm 1961;

Phạm Thị M, sinh năm 1967;

Đặng Minh T, sinh năm 1990;

Đặng Thị Thùy L, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Anh Q có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của Ngân hàng anh Q trình bày:

Ngày 16/4/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gò Công Tây có cho ông Đặng Ngọc Đ vay số tiền 12.000.000đồng, mã món vay 6600000707191926, lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả cuối ngày 22/4/2021, mục đích vay: hòa mạng nước sinh hoạt, xây hồ xí thuộc chương trình cho vay nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn.

Theo hợp đồng vay ngày 16/4/2016 thì Ngân hàng và hộ vay là 06 tháng trả nợ gốc một lần, số tiền trả mỗi lần là 1.200.000đồng, kỳ trả đầu tiên ngày 22/10/2016 và trả lãi ngày 22/5/2016 nhưng đến nay hộ ông Đ không thực hiện trả vốn, lãi theo cam kết.

Ngày 18/5/2016, Ngân hàng có phê duyệt cho ông Đ vay số tiền 46.000.000đồng, mã món vay 660000070758358, lãi suất 0,66%/tháng, hạn trả cuối ngày 22/5/2021, mục đích vay chăn nuôi bò thuộc hộ vay hộ cận nghèo, là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn

Theo hợp đồng thì hộ vay có thời hạn 12 tháng trả vốn gốc một lần, số tiền trả mỗi lần là 9.200.000đồng, kỳ trả đầu tiên ngày 22/5/2017, thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 22/6/2016 nhưng đến nay hộ ông Đ không thực hiện trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo cam kết.

Hiện nay, hộ ông Đ nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc: 58.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/10/2020 là 20.924.050đồng.

Nay, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu hộ ông Đ, bà M, chị L, anh T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 58.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/01/2021 là 21.920.450đồng. Thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Đặng Ngọc Đ, bà Phạm Thị M, anh Đặng Minh T và chị Đặng Thị Thùy L vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và ông Đặng Ngọc Đ, bà Phạm Thị M, anh Đặng Minh T và chị Đặng Thị Thùy L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét, giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Đặng Ngọc Đ, bà Phạm Thị M, anh Đặng Minh T và chị Đặng Thị Thùy L vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, bởi lẽ giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và ông Đặng Ngọc Đ, bà Phạm Thị M, anh Đặng Minh T và chị Đặng Thị Thùy L có ký hai hợp đồng vay vốn, cụ thể: Ngày 16/4/2016 vay số tiền 12.000.000đồng, mã món vay 6600000707191926, lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả cuối ngày 22/4/2021, mục đích vay: hòa mạng nước sinh hoạt, xây hồ xí thuộc chương trình cho vay nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Ngày 18/5/2016 vay số tiền 46.000.000đồng, mã món vay 660000070758358, lãi suất 0,66%/tháng, hạn trả cuối ngày 22/5/2021, mục đích vay chăn nuôi bò thuộc hộ vay hộ cận nghèo.

Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay thì chỉ có ông Đ đứng tên vay vốn nhưng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Quyết định về việc Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn thì ông Đ là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, theo xác nhận của Công an xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây thời điểm vay vốn thì hộ ông Đ gồm có ông Đ, bà M, anh T, chị L nên Ngân hàng khởi kiện hộ ông Đ là phù hợp với quy định của Ngân hàng.

Đến nay, đã quá thời hạn trả vốn, lãi theo cam kết nhưng ông Đ, bà M, chị L, anh T không thực hiện trả nợ, đã vi phạm sự thỏa thuận giữa Ngân hàng và hộ vay, làm thiệt thòi quyền lợi của Ngân hàng nên cần buộc ông Đ, bà M, anh T, chị L cùng liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc là 58.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (07/01/2021) là 21.920.450đồng, tổng cộng vốn, lãi là 79.920.450 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với 466, Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Ông Đ, bà M, anh T và chị L vắng mặt xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như anh chị không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ, bà M, anh T và chị L cùng phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc ông Đặng Ngọc Đ, bà Phạm Thị M, anh Đặng Minh T và chị Đặng Thị Thùy L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 58.000.000đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 07/01/2021 là 21.920.540đồng, tổng cộng vốn và lãi là 79.920.450đồng (*Bảy mươi chín triệu chín trăm hai mươi ngàn bốn trăm năm mươi đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Đ, bà M, anh T và chị L chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/01/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc theo hợp đồng vay vốn ngày 16/4/2016 và ngày 15/8/2016 giữa Ngân hàng C và ông Đặng Ngọc Đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Ngọc Đ, bà Phạm Thị M, anh Đặng Minh T và chị Đặng Thị Thùy L cùng phải chịu số tiền 3.996.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đ, bà M, anh T, chị L kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS H.Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình